

Bản án số: **53/2021/HNGĐ - ST**
Ngày: 27 - 9 -2021
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Điểu Khuê
2. Ông Trần Đức Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa:
Ông An Bắc Lùng - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 65/2021/TLST- HNGĐ, ngày 01 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXX - ST ngày 30 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Công Thanh C, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn 5, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Linh H, sinh năm 1987

Địa chỉ: 5, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Công Thanh C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Công Thanh C và chị Nguyễn Thị Linh H tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn ngày

càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã sống ly thân từ tháng 3/2020 cho đến nay. Nay anh C yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh C và chị H có 01 người con chung là cháu Lê Ngọc Khánh B, sinh ngày 09/5/2019, nay ly hôn anh C đồng ý giao cháu Băng cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Băng thành niên và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn anh C cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: Trích lục kết hôn 119/TLKH-BS ngày 26/3/2020 của Ủy ban nhân dân xã A; bản sao chứng minh nhân dân; bản sao sổ hộ khẩu gia đình; bản sao giấy khai sinh. Ngoài ra, anh C không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Linh H trình bày: Chị H và anh Lê Công Thanh C tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay anh C yêu cầu ly hôn với chị H thì chị H đồng ý.

Về con chung: Chị H và anh C có 01 người con chung là cháu Lê Ngọc Khánh B, sinh ngày 09/5/2019. Nay ly hôn thì chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Băng cho đến khi cháu thành niên. Không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin giải quyết vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Về sự vắng mặt của các đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn vì quá trình giải quyết vụ án anh C và chị H đã có đơn xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Lê Công Thanh C. Về con chung giao cháu Lê Ngọc Khánh B, sinh ngày 09/5/2019, cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng

Về nợ chung, tài sản chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của anh Lê Công Thanh C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị Linh H. Bị đơn có cư trú tại xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử thấy tranh chấp giữa Nguyên đơn và Bị đơn thuộc lĩnh vực hôn nhân gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B.

Đối với việc giải quyết vắng mặt của các bên đương sự. Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình thụ lý giải quyết vụ án, anh C và chị H đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. Điều này phù hợp với bản trích lục kết hôn số 119/TLKH-BS ngày 26/3/2020 đã được anh C cung cấp cho Tòa án. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị H là hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn gia đình: Anh C và chị H đều thống nhất việc sau khi kết hôn thì thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian sau đó thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do có nhiều bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa anh C và chị H là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa chị H cũng đồng ý ly hôn với anh C. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng muốn ly hôn của anh C.

[4] Về con chung: Chị H và anh C có 01 người con chung là cháu Lê Ngọc Khánh B, sinh ngày 09/5/2019. Xét thấy, hiện nay Băng đang do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh C đồng ý giao cháu Băng cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, cần giao cháu Băng cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Băng đủ 18 tuổi.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con các bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về nợ chung: Đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc nguyên đơn anh C phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Công Thanh C về việc ly hôn. Anh C được ly hôn với chị Nguyễn Thị Linh H.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Ngọc Khánh B, sinh ngày 09/5/2019 cho chị Nguyễn Thị Linh H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi;

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Nguyên đơn anh Lê Công Thanh C phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền số 016020 ngày 25/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Đào